

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung quy định về một số khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

DỰ THẢO
(ngày 28/12/2023)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 01**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày .. tháng... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk nông

1. Mức thu:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng)
I	Quặng khoáng sản kim loại		
1	Quặng sắt	Tấn	50.000
2	Quặng mangan-gan (mangan)	Tấn	40.000
3	Quặng ti-tan (titan)	Tấn	40.000
4	Quặng vàng	Tấn	225.000
5	Quặng đất hiếm	Tấn	50.000
6	Quặng bạch kim, quặng bạc, quặng thiếc	Tấn	225.000
7	Quặng von-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon)	Tấn	40.000
8	Quặng chì, quặng kẽm	Tấn	225.000
9	Quặng nhôm, quặng bô-xít (bauxit)	Tấn	30.000
10	Quặng đồng, quặng ni-ken (nicken)	Tấn	47.500
11	Quặng cô-ban (coban), quặng mô-lip-đen (molybden), quặng thủy ngân, quặng ma-nhê (magie), quặng va-na-đi (vanadi)	Tấn	225.000
12	Quặng crô-mít (cromit)	Tấn	35.000
13	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	25.000
II	Khoáng sản không kim loại		
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
2	Đá, sỏi		
2.1	Sỏi	m ³	9.000
2.2	Đá		

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng)
2.2.1	Đá block (bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ)	m ³	75.000
2.2.2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	4.500
3	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit)	m ³	4.125
4	Đá làm fluorit	m ³	3.000
5	Đá hoa trắng (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)		
5.1	Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ	m ³	60.000
5.2	Đá hoa trắng làm bột carbonat	m ³	4.500
6	Đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)	m ³	60.000
7	Cát vàng	m ³	7.500
8	Cát trắng	m ³	9.000
9	Các loại cát khác	m ³	4.000
10	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	3.000
11	Sét chịu lửa	Tấn	25.000
12	Đôlômít (dolomit), quắc-zít (quartzit)	m ³	37.500
13	Cao lanh	Tấn	5.000
14	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	25.000
15	Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorit)	Tấn	25.000
16	A-pa-tít (apatit)	Tấn	2.500
17	Séc-păng-tin (secpentin)	Tấn	2.500
18	Than gồm: - Than an-tra-xít (antraxit) hầm lò - Than an-tra-xít (antraxit) lộ thiên - Than nâu, than mỡ - Than khác	Tấn	8.000
19	Kim cương, ru-bi (rubi), sa-phia (sapphire)	Tấn	60.000
	E-mô-rôt (emerald), A-lếch-xan-đờ-rít (alexandrite), Ô-pan (opan) quý màu đen		60.000

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (khoáng sản nguyên khai)	Mức thu (đồng)
	A-dít, Rô-đô-lít (rodolite), Py-rốp (pyrope), Bê- rin (berin), Sờ-pi-nen (spinen), Tô-paz (topaz)		60.000
	Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa; Birusa, Nê-phờ-rít (nephrite)		60.000
20	Cuội, sạn	m ³	7.500
21	Đất làm thạch cao	m ³	2.500
22	Các loại đất khác	m ³	1.500
23	Talc, diatomit	Tấn	25.000
24	Graphit, serecit	Tấn	2.500
25	Phen - sờ - phát (felspat)	Tấn	3.950
26	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.500
27	Các khoáng sản không kim loại khác	Tấn	25.000

2. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% (sáu mươi phần trăm) mức phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các nội dung có liên quan về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 05 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

1. Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 3 như sau:

“a) Miễn thu phí đối với trẻ em dưới 6 tuổi hoặc chiều cao dưới 1,2m; người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật. Đối với học sinh, sinh viên được miễn thu phí đối với các khu di tích lịch sử, công trình văn hóa, bảo tàng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 86 Luật Giáo dục số 43/2019/QH4 ngày 14 tháng 06 năm 2019.

2. Bổ sung khoản 5 vào Điều 17 như sau:

“5. Trường hợp cá nhân nộp hồ sơ đề nghị giải quyết các vấn đề về hộ tịch theo hình thức trực tuyến:

a) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, mức thu lệ phí hộ tịch thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã là 0 đồng; mức thu lệ phí hộ tịch thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp huyện bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu lệ phí quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trở đi, áp dụng mức thu lệ phí quy định tại khoản 3 Điều này.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 Điều 18:

“1. Đối tượng nộp phí: Người sử dụng lao động có đề nghị và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp; cấp lại; gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”.

b) Bổ sung điểm c vào khoản 3 Điều 18:

“c) Cấp lại giấy phép lao động: 400.000 đồng/người/giấy phép”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“1. Định kỳ hằng ngày, tuần hoặc tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách tại Kho bạc Nhà nước; tổ chức thu lệ phí phải gửi số tiền lệ phí thu được vào tài khoản lệ phí chờ nộp ngân sách hoặc nộp lệ phí vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước. Tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được trong kỳ vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách, tổ chức thu lệ phí phải gửi số tiền lệ phí đã thu được trong kỳ vào tài khoản lệ phí chờ nộp ngân sách hoặc tài khoản thu ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí kê khai, nộp tiền phí, lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo tháng, quyết toán năm theo quy định của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

3. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu phí, lệ phí theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bãi bỏ Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa IV, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 01 thông qua ngày ... tháng năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2024.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- UB Tài chính – Ngân sách Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; Công báo Đắk Nông;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TH, TT-DN, HC-TC-QT, HSKH,...

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung